

[1] Về hôn nhân: Chị S và anh Q kết hôn với nhau như trình bày ở phần trên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh Q hay rượu chè, chửi bới, đánh đập chị S, nay chị S xin được ly hôn, anh Q không nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy việc không đồng ý ly hôn của anh Q chỉ gây khó khăn cho chị S, thực tế hai bên đương sự đã tự ly thân, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, anh Q cũng không yêu cầu đoàn tụ, như vậy việc chị S yêu cầu được ly hôn là chính đáng. Cuộc sống vợ chồng chị S, anh Q đã đến lúc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần xử để chị S được ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự chị S, anh Q vắng mặt, nhưng chị S, anh Q đều có đơn xin xử vắng mặt, nên cần xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về án phí: chị S phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chị Phạm Thị S được ly hôn anh Phạm Quang Q.

2. Về án phí: chị S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002760 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị S, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- CC thi hành án dân sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Ngân

